

Họ tên thí sinh: Số báo danh:

Mã đề thi C6.101

I. TRẮC NGHIỆM: Hãy chọn câu trả lời có phương án đúng nhất (7,0 điểm).

Câu 1: Thức ăn thừa bảo quản như thế nào?

- A. Bảo quản trong tủ lạnh và hâm nóng trước khi ăn lại B. Để ngoài qua đêm
C. Không cần che đậy D. Ăn ngay khi nguội

Câu 2: Khi mở hộp thực phẩm, cần phải làm gì sau đó?

- A. Dùng hết ngay hoặc bảo quản lạnh B. Đun sôi lại
C. Không cần bảo quản D. Để ngoài không khí lâu

Câu 3: Thực phẩm khô như cá khô cần bảo quản như thế nào là đúng cách?

- A. Trong nước B. Ngoài nắng mưa
C. Không cần quan tâm vấn đề bảo quản D. Nơi thoáng mát, khô ráo

Câu 4: Hệ thống chiếu sáng thông minh có thể:

- A. Không điều chỉnh được độ sáng B. Luôn bật sáng cả ngày
C. Bật tắt theo cảm biến ánh sáng hoặc chuyển động D. Tự cháy sáng

Câu 5: Một đặc điểm của ngôi nhà thông minh là gì?

- A. Các thiết bị có thể liên kết với nhau B. Không có cảm biến
C. Không thể điều khiển từ xa D. Không cần mạng Internet

Câu 6: Thức ăn nhanh thường có đặc điểm như thế nào?

- A. Ít năng lượng B. Nhiều dầu mỡ, năng lượng cao
C. Không có hương vị D. Dễ hỏng

Câu 7: Trung bình thức ăn sẽ được tiêu hóa hết sau:

- A. 1- 2 giờ B. 4-5 giờ C. 3-4 giờ D. 2-3 giờ

Câu 8: Phương pháp luộc có ưu điểm là gì?

- A. Không tốn nhiều gia vị
B. Dễ chế biến
C. Chế biến từ những thực phẩm thông dụng
D. Dễ chế biến, không tốn nhiều gia vị, chế biến từ những thực phẩm thông dụng

Câu 9: Lợi ích của ngôi nhà thông minh là gì?

- A. Tốn kém điện hơn B. Khó sử dụng
C. Lãng phí năng lượng D. Tiện lợi và tiết kiệm thời gian

Câu 10: Khi sử dụng ngôi nhà thông minh, người dùng cần chú ý đến điều gì?

- A. Giảm kết nối mạng B. Dùng thiết bị thủ công
C. Bảo mật thông tin D. Tăng cường sử dụng điện

Câu 11: Dinh dưỡng hợp lý giúp cơ thể con người như thế nào?

- A. Phát triển toàn diện và phòng tránh bệnh tật B. Ngủ ít hơn
C. Mệt mỏi hơn D. Không tăng trưởng

Câu 12: Khi chế biến thực phẩm, cần tách riêng thực phẩm nào ra:

- A. Gia vị B. Dụng cụ
C. Thực phẩm sống và chín D. Rau và củ

Câu 13: Ứng dụng nào giúp người dùng điều khiển thiết bị trong nhà thông minh?

- A. Ứng dụng quản lý nhà thông minh trên điện thoại B. Ứng dụng chỉnh ảnh
C. Ứng dụng game D. Ứng dụng nghe nhạc

Câu 14: Ví dụ về thiết bị tiết kiệm năng lượng trong nhà thông minh là gì?

- A. Bếp than B. Bóng đèn LED cảm biến
C. Quạt giấy D. Đèn sợi đốt

Câu 15: Bữa ăn cân đối là bữa ăn như thế nào?

- A. Nhiều tinh bột B. Chỉ có thịt
C. Chỉ có rau D. Đủ các nhóm chất dinh dưỡng cần thiết

Câu 16: Cách rã đông thực phẩm tốt nhất là gì?

- A. Rã đông từ từ trong ngăn mát tủ lạnh B. Để ở nhiệt độ phòng lâu
C. Phơi nắng D. Ngâm nước nóng

Câu 17: Một ví dụ về thiết bị thông minh trong nhà là gì?

- A. Ổ khóa cơ B. Quạt nan C. Đèn cảm biến D. Bếp than

Câu 18: Các món ăn chính bao gồm những món nào?

- A. Món canh, món mặn, món ăn kèm B. Món canh, món xào hoặc luộc
C. Món canh, món mặn, món xào hoặc luộc D. Món canh, món mặn

Câu 19: Uống nước đầy đủ giúp cơ thể như thế nào?

- A. Mệt mỏi B. Giảm trí nhớ
C. Cơ thể khỏe mạnh, đào thải chất độc D. Tăng cân

Câu 20: Mục đích của chế biến thực phẩm là:

- A. Làm thực phẩm khó ăn
B. Làm thực phẩm ngon, dễ tiêu hóa và bảo quản lâu hơn
C. Làm mất chất dinh dưỡng
D. Tăng giá

Câu 21: Sấy khô là phương pháp làm cho thực phẩm trong tình trạng như thế nào?

- A. Ở trong nước B. Bị mất nước
C. Ở trong túi zip D. Ở trong tủ lạnh

Câu 22: Tivi thông minh có thể:

- A. Kết nối Internet để xem phim, nghe nhạc B. Không có màn hình
C. Không có điều khiển D. Chỉ xem các kênh truyền hình

Câu 23: Ngôi nhà thông minh sử dụng nguồn năng lượng nào thân thiện với môi trường?

- A. Gas B. Than đá C. Dầu hỏa D. Năng lượng mặt trời

Câu 24: Khi chế biến thực phẩm, nên làm gì để giữ dinh dưỡng?

- A. Nấu chín vừa phải B. Nấu quá lâu
C. Để sống D. Chiên nhiều lần

Câu 25: Chất xơ có nhiều trong những loại thực phẩm nào?

- A. Rau xanh, hoa quả B. Thịt C. Trứng D. Cá

Câu 26: Thiết bị nào giúp giám sát an ninh trong ngôi nhà thông minh?

- A. Đèn ngủ B. Tivi
C. Quạt điện D. Camera kết nối mạng

Câu 27: Nhà thông minh có thể giúp người cao tuổi mở đèn như thế nào?

- A. Không có cảm biến B. Tự mở đèn khi có người đi qua
C. Tắt điện hoàn toàn D. Không có chuông cửa

Câu 28: Ăn quá nhiều chất béo có thể gây ra bệnh gì?

- A. Cận thị B. Thiếu máu C. Loãng xương D. Béo phì

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Em hãy cho biết thế nào là phương pháp bảo quản thực phẩm?

Câu 2. (1 điểm) Để làm được món canh sườn nấu củ, em cần chuẩn bị những loại nguyên liệu nào?

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ tên thí sinh: Số báo danh:

Mã đề thi C6.102

I. TRẮC NGHIỆM: Hãy chọn câu trả lời có phương án đúng nhất (7,0 điểm).

Câu 1: Trung bình thức ăn sẽ được tiêu hóa hết sau:

- A. 4-5 giờ B. 1- 2 giờ C. 2-3 giờ D. 3-4 giờ

Câu 2: Ứng dụng nào giúp người dùng điều khiển thiết bị trong nhà thông minh?

- A. Ứng dụng chỉnh ảnh B. Ứng dụng quản lý nhà thông minh trên điện thoại
C. Ứng dụng nghe nhạc D. Ứng dụng game

Câu 3: Phương pháp luộc có ưu điểm là gì?

- A. Chế biến từ những thực phẩm thông dụng
B. Dễ chế biến
C. Không tốn nhiều gia vị
D. Dễ chế biến, không tốn nhiều gia vị, chế biến từ những thực phẩm thông dụng

Câu 4: Cách rã đông thực phẩm tốt nhất là gì?

- A. Phơi nắng B. Ngâm nước nóng
C. Rã đông từ từ trong ngăn mát tủ lạnh D. Để ở nhiệt độ phòng lâu

Câu 5: Thức ăn nhanh thường có đặc điểm như thế nào?

- A. Không có hương vị B. Dễ hỏng
C. Nhiều dầu mỡ, năng lượng cao D. Ít năng lượng

Câu 6: Khi chế biến thực phẩm, cần tách riêng thực phẩm nào ra:

- A. Dụng cụ B. Thực phẩm sống và chín C. Rau và củ D. Gia vị

Câu 7: Dinh dưỡng hợp lý giúp cơ thể con người như thế nào?

- A. Mệt mỏi hơn B. Không tăng trưởng
C. Ngủ ít hơn D. Phát triển toàn diện và phòng tránh bệnh tật

Câu 8: Ngôi nhà thông minh sử dụng nguồn năng lượng nào thân thiện với môi trường?

- A. Năng lượng mặt trời B. Gas
C. Than đá D. Dầu hỏa

Câu 9: Thực phẩm khô như cá khô cần bảo quản như thế nào là đúng cách?

- A. Nơi thoáng mát, khô ráo B. Trong nước
C. Không cần quan tâm vấn đề bảo quản D. Ngoài nắng mưa

Câu 10: Mục đích của chế biến thực phẩm là:

- A. Làm thực phẩm khó ăn
B. Làm mất chất dinh dưỡng
C. Làm thực phẩm ngon, dễ tiêu hóa và bảo quản lâu hơn

D. Tăng giá

Câu 11: Nhà thông minh có thể giúp người cao tuổi mở đèn như thế nào?

- A. Không có chuông cửa**
- B. Tắt điện hoàn toàn**
- C. Tự mở đèn khi có người đi qua**
- D. Không có cảm biến**

Câu 12: Lợi ích của ngôi nhà thông minh là gì?

- A. Khó sử dụng**
- B. Lãng phí năng lượng**
- C. Tốn kém điện hơn**
- D. Tiện lợi và tiết kiệm thời gian**

Câu 13: Thức ăn thừa bảo quản như thế nào?

- A. Không cần che đậy**
- B. Bảo quản trong tủ lạnh và hâm nóng trước khi ăn lại**
- C. Để ngoài qua đêm**
- D. Ăn ngay khi nguội**

Câu 14: Ví dụ về thiết bị tiết kiệm năng lượng trong nhà thông minh là gì?

- A. Đèn sợi đốt**
- B. Bóng đèn LED cảm biến**
- C. Bếp than**
- D. Quạt giấy**

Câu 15: Bữa ăn cân đối là bữa ăn như thế nào?

- A. Nhiều tinh bột**
- B. Chỉ có rau**
- C. Chỉ có thịt**
- D. Đủ các nhóm chất dinh dưỡng cần thiết**

Câu 16: Uống nước đầy đủ giúp cơ thể như thế nào?

- A. Tăng cân**
- B. Giảm trí nhớ**
- C. Mệt mỏi**
- D. Cơ thể khỏe mạnh, đào thải chất độc**

Câu 17: Khi mở hộp thực phẩm, cần phải làm gì sau đó?

- A. Để ngoài không khí lâu**
- B. Đun sôi lại**
- C. Không cần bảo quản**
- D. Dùng hết ngay hoặc bảo quản lạnh**

Câu 18: Các món ăn chính bao gồm những món nào?

- A. Món canh, món mặn, món ăn kèm**
- B. Món canh, món xào hoặc luộc**
- C. Món canh, món mặn**
- D. Món canh, món mặn, món xào hoặc luộc**

Câu 19: Ăn quá nhiều chất béo có thể gây ra bệnh gì?

- A. Thiếu máu**
- B. Béo phì**
- C. Loãng xương**
- D. Cận thị**

Câu 20: Hệ thống chiếu sáng thông minh có thể:

- A. Luôn bật sáng cả ngày**
- B. Bật tắt theo cảm biến ánh sáng hoặc chuyển động**
- C. Tự cháy sáng**
- D. Không điều chỉnh được độ sáng**

Câu 21: Chất xơ có nhiều trong những loại thực phẩm nào?

- A. Cá**
- B. Thịt**
- C. Trứng**
- D. Rau xanh, hoa quả**

Câu 22: Tivi thông minh có thể:

- A. Kết nối Internet để xem phim, nghe nhạc**
- B. Chỉ xem các kênh truyền hình**
- C. Không có màn hình**
- D. Không có điều khiển**

Câu 23: Khi chế biến thực phẩm, nên làm gì để giữ dinh dưỡng?

- A. Nấu quá lâu**
- B. Để sống**
- C. Nấu chín vừa phải**
- D. Chiên nhiều lần**

Câu 24: Một ví dụ về thiết bị thông minh trong nhà là gì?

- A. Quạt nan B. Đèn cảm biến C. Bếp than D. Ổ khóa cơ

Câu 25: Khi sử dụng ngôi nhà thông minh, người dùng cần chú ý đến điều gì?

- A. Tăng cường sử dụng điện B. Giảm kết nối mạng
C. Dùng thiết bị thủ công D. Bảo mật thông tin

Câu 26: Thiết bị nào giúp giám sát an ninh trong ngôi nhà thông minh?

- A. Camera kết nối mạng B. Đèn ngủ
C. Quạt điện D. Tivi

Câu 27: Một đặc điểm của ngôi nhà thông minh là gì?

- A. Các thiết bị có thể liên kết với nhau
B. Không cần mạng Internet
C. Không thể điều khiển từ xa
D. Không có cảm biến

Câu 28: Sấy khô là phương pháp làm cho thực phẩm trong tình trạng như thế nào?

- A. Ở trong nước B. Bị mất nước
C. Ở trong túi zip D. Ở trong tủ lạnh

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Em hãy cho biết thế nào là phương pháp bảo quản thực phẩm?

Câu 2. (1 điểm) Để làm được món canh sườn nấu củ, em cần chuẩn bị những loại nguyên liệu nào?

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

UBND PHƯỜNG PHÚ AN
TRƯỜNG THCS PHÚ AN

MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: CÔNG NGHỆ LỚP: 6 THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

I. Mục tiêu:

- Mô tả được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.
- Nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.
- Trình bày được cách chọn thiết kế kiến trúc nhà, chọn vật liệu và quy trình xây dựng nhà ở, chọn đồ dùng thiết bị công nghệ sử dụng trong nhà ở của em
- Nêu được một số nhóm thực phẩm chính
- Nêu được giá trị dinh dưỡng của từng nhóm thực phẩm chính
- Giải thích được ý nghĩa của từng nhóm thực phẩm chính đối với sức khỏe con người
- Trình bày được vai trò, ý nghĩa của bảo quản thực phẩm.
- Trình bày được ưu điểm, nhược điểm của một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến
- Vận dụng được kiến thức về bảo quản thực phẩm vào thực tiễn gia đình
- Lựa chọn được thực phẩm phù hợp để chế biến món ăn đơn giản không sử dụng nhiệt

II. Phương thức thực hiện: Kết hợp trắc nghiệm với tự luận.

+ Trắc nghiệm: 70%

+ Tự luận : 30%

III. Ma trận đề:

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức						Tổng		% tổng điểm	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Số Câu Hỏi			Thời gian (phút)
			Số Câu Hỏi	Thời gian (phút)	Số Câu Hỏi	Thời gian (phút)	Số Câu hỏi	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	1. Nhà ở	Ngôi nhà thông minh	4	3,0p	4	6,0p			8		9,0p	2,0đ 20%
2	2. Bảo quản và chế biến thực phẩm	Thực phẩm và dinh dưỡng	7	5,25p	5	7,5p			12		12,75p	3,0đ 30%
		Bảo quản và chế biến thực phẩm	5	3,75p	3	4,5p			8		8,25p	2,0đ 20%
Tổng			16	12p	12	18p	2	15p	28	2	45p	10
Tỉ lệ (%)			40%		30%		30%				100%10 điểm	
Tỉ lệ chung (%)			70%				30%				100%	

Bản đặc tả đề kiểm tra học kì I, môn Công nghệ 6.

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ đánh giá		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
		1 Ngôi nhà thông minh	Nhận biết: - Nêu được đặc điểm của ngôi nhà thông minh. - Nhận biết dấu hiệu cảm biến của ngôi nhà thông minh	4		
			Thông hiểu: - Mô tả được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh. - Nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.		4	
		2. Thực phẩm và dinh dưỡng	Nhận biết: - Nêu được một số nhóm thực phẩm chính - Nêu được giá trị dinh dưỡng của từng nhóm thực phẩm chính. - Trình bày được vai trò, ý nghĩa của chế biến thực phẩm	7		
			Thông hiểu: - Phân loại được thực phẩm theo các nhóm thực phẩm chính.		3	
			- Giải thích được ý nghĩa của từng nhóm thực phẩm chính đối với sức khỏe con người		2	
		3. Bảo quản và chế biến thực phẩm	Nhận biết: - Trình bày được vai trò, ý nghĩa của bảo quản thực phẩm. - Trình bày được vai trò, ý nghĩa của chế biến thực phẩm - Nêu được một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến. - Nêu được các bước chính chế biến món ăn đơn giản	5		

		Thông hiểu: - Mô tả được một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến.		1	
		- Trình bày được ưu điểm, nhược điểm của một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến. - Trình bày được một số ưu điểm, nhược điểm của một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến		2	
		Vận dụng: - Vận dụng được kiến thức về bảo quản thực phẩm vào thực tiễn gia đình. - Lựa chọn được thực phẩm phù hợp để chế biến món ăn đơn giản không sử dụng nhiệt.			2
Tổng câu			16 TN	12TN	2TL
Tỉ lệ %			40%	30%	30%
Tỉ lệ chung			70%		30%

Tổ trưởng chuyên môn

Phú An, ngày tháng năm 2025

Giáo viên soạn

Hồ Thị Hồng Vân

Trịnh Thị Mỹ Dương

Lãnh đạo trường

Họ tên thí sinh: Số báo danh: **Mã đề thi C.701**

I. TRẮC NGHIỆM: Hãy chọn câu trả lời có phương án đúng nhất (7,0 điểm).

Câu 1: Thời gian từ khi gieo hạt đến khi thu hoạch cải xanh khoảng bao nhiêu ngày?

- A. 40 – 50 ngày B. 2 – 3 tháng C. 30 – 40 ngày D. 10 – 15 ngày

Câu 2: Rừng nguyên sinh được gọi tên theo đặc điểm nào của rừng?

- A. Theo nguồn gốc hình thành B. Theo loài cây
C. Theo mục đích sử dụng D. Theo điều kiện lập địa

Câu 3: Khi cây cải xanh mọc quá dày, cần làm gì?

- A. Không cần xử lý B. Tưới thêm nước
C. Nhổ bỏ tất cả cây non D. Tỉa bớt cây để tạo khoảng cách phù hợp

Câu 4: Cải xanh cần được tưới nước như thế nào?

- A. Không cần tưới nước B. Tưới nhiều nước liên tục
C. Tưới đủ ẩm, tránh ngập úng D. Ngày tưới 1 lần bằng nước muối loãng

Câu 5: Khi trồng rừng, nên chọn những ngày có thời tiết như thế nào?

- A. Chọn những ngày thời tiết nắng nóng và có gió
B. Chọn những ngày thời tiết mưa bão
C. Chọn những ngày thời tiết nắng gắt, có gió và đất đủ ẩm
D. Chọn những ngày thời tiết tốt, râm mát, có mưa nhỏ, lạng gió và đất đủ ẩm

Câu 6: Rừng sản xuất là gì?

- A. Rừng được sử dụng để bảo vệ nguồn nước
B. Rừng dùng để nghiên cứu khoa học
C. Rừng chủ yếu để bảo tồn nguồn gene sinh vật rừng
D. Rừng trồng để khai thác gỗ và các lâm sản ngoài gỗ

Câu 7: Em hãy chọn câu trả lời đúng về vai trò của **rừng đặc dụng**.

- A. Rừng thông ven biển chắn gió, nguyên liệu gỗ cho xuất khẩu
B. Rừng cao su làm giảm tốc độ dòng chảy, giữ nước nuôi cây lấy mủ
C. Rừng để bảo vệ nguồn gene sinh vật rừng, rừng nguyên sinh, nghiên cứu khoa học, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa và phục vụ du lịch
D. Rừng trầm cung cấp nguyên liệu cho xây dựng và sản xuất

Câu 8: Phân loại rừng theo mục đích sử dụng bao gồm:

- A. Rừng đặc dụng, rừng sản xuất, rừng phòng hộ
B. Rừng nguyên sinh, rừng thứ sinh, rừng trồng mới
C. Rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng tre nứa
D. Rừng giàu, rừng trung bình, rừng nghèo

Câu 9: “Rạch bỏ vỏ bầu đất” là bước thứ mấy trong quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu?

- A. Bước 3 B. Bước 2 C. Bước 1 D. Bước 4

Câu 10: Nội dung nào sau đây **không** phải là một trong những vai trò của rừng?

- A. Điều hòa không khí B. Cung cấp lương thực cho xuất khẩu
C. Là nơi sống của động, thực vật rừng D. Cung cấp gỗ cho con người

Câu 11: Em hãy cho biết sản phẩm nào sau đây được sản xuất từ rừng phục vụ con người?

- A. Túi sách, giày dép được làm từ da bò nhập khẩu
B. Bánh được làm từ bột củ mì
C. Vở, thước được làm từ gỗ
D. Thước, bút được làm từ kim loại

Câu 12: Giâm cành vào giá thể là bước thứ mấy trong quy trình giâm cành?

- A. Bước 4 B. Bước 2 C. Bước 3 D. Bước 1

Câu 13: Yêu cầu kỹ thuật của công việc tỉa, dặm cây là gì?

- A. Đảm bảo đúng mật độ, khoảng cách giữa các hàng và các cây
B. Đảm bảo diệt trừ hết sâu bệnh
C. Đảm bảo cung cấp đủ chất dinh dưỡng
D. Đảm bảo diệt sạch cỏ dại

Câu 14: Bảo vệ di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh là vai trò của loại rừng nào sau đây?

- A. Rừng đầu nguồn B. Rừng sản xuất C. Rừng phòng hộ D. Rừng đặc dụng

Câu 15: Câu nào sau đây mô tả vai trò của rừng là bảo vệ môi trường?

- A. Rừng cho nhiều sản phẩm gỗ: bàn gỗ, cửa gỗ
B. Rừng nơi ở động vật
C. Rừng cung cấp khí oxygen, thu khí cacbon dioxide
D. Rừng cho ta mật ong, thuốc nam

Câu 16: Bộ phận được sử dụng làm thực phẩm cho con người của cây cải xanh là gì?

- A. Lá và thân non B. Rễ C. Hạt D. Hoa

Câu 17: Vườn quốc gia nào sau đây nằm ở ba tỉnh Thanh Hóa, Hòa Bình và Ninh Bình?

- A. Ba Vì B. Phú Quốc C. Cúc Phương D. Bạch Mã

Câu 18: Nhược điểm của phương thức canh tác độc canh là gì?

- A. Tận dụng chất dinh dưỡng, ánh sáng
B. Tăng chất lượng nông sản
C. Giảm độ phì nhiêu của đất, tăng sự lây lan của sâu, bệnh
D. Tăng năng suất nông sản

Câu 19: Lúa thường thu hoạch bằng phương pháp nào?

- A. Hái B. Cắt C. Đào D. Nhổ

Câu 20: Tỉa bớt lá cho cành giâm thuộc bước nào trong quy trình giâm cành?

- A. Giâm cành vào giá thể B. Chuẩn bị cành giâm
C. Chuẩn bị giá thể giâm cành D. Chuẩn bị giá thể và giâm cành vào giá thể

A. Rừng tự nhiên, rừng trồng
B. Rừng núi đất, rừng núi đá, rừng ngập nước, rừng đất cát
C. Rừng rất giàu, rừng giàu, rừng trung bình, rừng nghèo
D. Rừng tràm, rừng tre nứa, rừng thông

A. Rừng trầm cung cấp nguyên liệu cho xây dựng và sản xuất
B. Rừng thông ven biển chắn gió, nguyên liệu gỗ cho xuất khẩu
C. Rừng ven biển chắn gió, chống cát bay, che chở cho vùng đất phía trong đất liền
D. Rừng cao su làm giảm tốc độ dòng chảy, giữ nước nuôi cây lấy mủ

A. Ngày 22 tháng 3 B. Ngày 21 tháng 3 C. Ngày 22 tháng 4 D. Ngày 21 tháng 4

A. Mùa đông
C. Mùa thu

B. Mùa xuân và mùa đông
D. Mùa xuân và mùa thu

A. Hái (đâu) **B. Cắt (hoa)** **C. Nhỏ (su hào)** **D. Xay (nghệ)**

A. Phần ngọn cây **B.** Phần đoạn thân có chồi (mắt)
C. Phần gốc có rễ của cây **D.** Phần lá cây

A. 7 **B.** 5 **C.** 4 **D.** 6

A. Bước 2 **B. Bước 1** **C. Bước 4** **D. Bước 3**

Câu 1. (2,0 điểm) Em hãy cho biết mục đích của việc chăm sóc cây?

----- HẾT -----

- Mã đề thi C.701 - Trang 3/ 3

Họ tên thí sinh: Số báo danh:

Mã đề thi C.702

I. TRẮC NGHIỆM: Hãy chọn câu trả lời có phương án đúng nhất (7,0 điểm).

Câu 1: Giâm cành vào giá thể là bước thứ mấy trong quy trình giâm cành?

- A. Bước 3 B. Bước 1 C. Bước 2 D. Bước 4

Câu 2: “Chăm sóc cành giâm” là bước thứ mấy trong quy trình giâm cành?

- A. Bước 3 B. Bước 2 C. Bước 1 D. Bước 4

Câu 3: Em hãy chọn câu trả lời đúng về vai trò của **rừng đặc dụng**.

- A. Rừng cao su làm giảm tốc độ dòng chảy, giữ nước nuôi cây lấy mủ
B. Rừng thông ven biển chắn gió, nguyên liệu gỗ cho xuất khẩu
C. Rừng để bảo vệ nguồn gene sinh vật rừng, rừng nguyên sinh, nghiên cứu khoa học, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa và phục vụ du lịch
D. Rừng tràm cung cấp nguyên liệu cho xây dựng và sản xuất

Câu 4: Hãy chọn câu đúng về vai trò của rừng phòng hộ.

- A. Rừng ven biển chắn gió, chống cát bay, che chở cho vùng đất phía trong đất liền
B. Rừng cao su làm giảm tốc độ dòng chảy, giữ nước nuôi cây lấy mủ
C. Rừng tràm cung cấp nguyên liệu cho xây dựng và sản xuất
D. Rừng thông ven biển chắn gió, nguyên liệu gỗ cho xuất khẩu

Câu 5: Khi trồng rừng, nên chọn những ngày có thời tiết như thế nào?

- A. Chọn những ngày thời tiết nắng nóng và có gió
B. Chọn những ngày thời tiết tốt, râm mát, có mưa nhỏ, lặng gió và đất đủ ẩm
C. Chọn những ngày thời tiết nắng gắt, có gió và đất đủ ẩm
D. Chọn những ngày thời tiết mưa bão

Câu 6: Thời vụ trồng rừng chính ở các tỉnh **miền Bắc** là mùa nào?

- A. Mùa xuân và mùa đông B. Mùa xuân và mùa thu
C. Mùa đông D. Mùa thu

Câu 7: Ngày “**quốc tế về rừng**” được tổ chức vào ngày nào hàng năm?

- A. Ngày 21 tháng 3 B. Ngày 21 tháng 4 C. Ngày 22 tháng 4 D. Ngày 22 tháng 3

Câu 8: Phân loại rừng theo mục đích sử dụng bao gồm:

- A. Rừng giàu, rừng trung bình, rừng nghèo
B. Rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng tre nứa
C. Rừng đặc dụng, rừng sản xuất, rừng phòng hộ
D. Rừng nguyên sinh, rừng thứ sinh, rừng trồng mới

Câu 9: Nhược điểm của phương thức canh tác độc canh là gì?

- A. Tăng chất lượng nông sản
- B. Tăng năng suất nông sản
- C. Tận dụng chất dinh dưỡng, ánh sáng
- D. Giảm độ phì nhiêu của đất, tăng sự lây lan của sâu, bệnh

Câu 10: Vườn quốc gia nào sau đây nằm ở ba tỉnh Thanh Hóa, Hòa Bình và Ninh Bình?

- A. Bạch Mã
- B. Cúc Phương
- C. Ba Vì
- D. Phú Quốc

Câu 11: Em hãy cho biết sản phẩm nào sau đây được sản xuất từ rừng phục vụ con người?

- A. Thuốc, bút được làm từ kim loại
- B. Bánh được làm từ bột củ mì
- C. Vở, thuốc được làm từ gỗ
- D. Túi sách, giày dép được làm từ da bò nhập khẩu

Câu 12: Phân loại rừng theo điều kiện lập địa gồm có:

- A. Rừng tràm, rừng tre nứa, rừng thông
- B. Rừng tự nhiên, rừng trồng
- C. Rừng rất giàu, rừng giàu, rừng trung bình, rừng nghèo
- D. Rừng núi đất, rừng núi đá, rừng ngập nước, rừng đất cát

Câu 13: Thời gian từ khi gieo hạt đến khi thu hoạch cải xanh khoảng bao nhiêu ngày?

- A. 2 – 3 tháng
- B. 40 – 50 ngày
- C. 10 – 15 ngày
- D. 30 – 40 ngày

Câu 14: Bảo vệ di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh là vai trò của loại rừng nào sau đây?

- A. Rừng đầu nguồn
- B. Rừng phòng hộ
- C. Rừng đặc dụng
- D. Rừng sản xuất

Câu 15: Yêu cầu kỹ thuật của công việc tía, dặm cây là gì?

- A. Đảm bảo cung cấp đủ chất dinh dưỡng
- B. Đảm bảo đúng mật độ, khoảng cách giữa các hàng và các cây
- C. Đảm bảo diệt sạch cỏ dại
- D. Đảm bảo diệt trừ hết sâu bệnh

Câu 16: Rừng sản xuất là gì?

- A. Rừng dùng để nghiên cứu khoa học
- B. Rừng trồng để khai thác gỗ và các lâm sản ngoài gỗ
- C. Rừng được sử dụng để bảo vệ nguồn nước
- D. Rừng chủ yếu để bảo tồn nguồn gene sinh vật rừng

Câu 17: Câu nào sau đây mô tả vai trò của rừng là bảo vệ môi trường?

- A. Rừng cho ta mật ong, thuốc nam
- B. Rừng cung cấp khí oxygen, thu khí cacbon dioxide
- C. Rừng nơi ở động vật
- D. Rừng cho nhiều sản phẩm gỗ: bàn gỗ, cửa gỗ

Câu 18: Rừng nguyên sinh được gọi tên theo đặc điểm nào của rừng?

- A. Theo loài cây
- B. Theo mục đích sử dụng
- C. Theo điều kiện lập địa
- D. Theo nguồn gốc hình thành

Câu 19: Bộ phận được sử dụng làm thực phẩm cho con người của cây cải xanh là gì?

- A. Lá và thân non B. Hoa C. Hạt D. Rễ

Câu 20: Phương án nào sau đây **không** phải là một trong những phương pháp chính trong thu hoạch sản phẩm trồng trọt?

- A. Xay (nghệ) B. Hái (đậu) C. Nhổ (su hào) D. Cắt (hoa)

Câu 21: Nội dung nào sau đây **không** phải là một trong những vai trò của rừng?

- A. Điều hòa không khí B. Cung cấp gỗ cho con người
C. Cung cấp lương thực cho xuất khẩu D. Là nơi sống của động, thực vật rừng

Câu 22: “Rạch bỏ vỏ bầu đất” là bước thứ mấy trong quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu?

- A. Bước 4 B. Bước 1 C. Bước 3 D. Bước 2

Câu 23: Trồng rừng bằng cây con có bầu đất được tiến hành qua mấy bước?

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 24: Lúa thường thu hoạch bằng phương pháp nào?

- A. Nhổ B. Đào C. Hái D. Cắt

Câu 25: Khi cây cải xanh mọc quá dày, cần làm gì?

- A. Tưới thêm nước B. Tỉa bớt cây để tạo khoảng cách phù hợp
C. Nhổ bỏ tất cả cây non D. Không cần xử lý

Câu 26: Phần nào của cây rau ngót sử dụng để nhân giống bằng phương pháp giâm cành?

- A. Phần đoạn thân có chồi (mắt) B. Phần lá cây
C. Phần ngọn cây D. Phần gốc có rễ của cây

Câu 27: Tỉa bớt lá cho cành giâm thuộc bước nào trong quy trình giâm cành?

- A. Chuẩn bị giá thể và giâm cành vào giá thể B. Chuẩn bị cành giâm
C. Chuẩn bị giá thể giâm cành D. Giâm cành vào giá thể

Câu 28: Cải xanh cần được tưới nước như thế nào?

- A. Tưới đủ ẩm, tránh ngập úng B. Ngày tưới 1 lần bằng nước muối loãng
C. Không cần tưới nước D. Tưới nhiều nước liên tục

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Em hãy cho biết mục đích của việc chăm sóc cây?

Câu 2. (1,0 điểm) Rừng có vai trò như thế nào trong đời sống và sản xuất?

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

UBND PHƯỜNG PHÚ AN
TRƯỜNG THCS PHÚ AN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I
MÔN: CÔNG NGHỆ - LỚP: 7
NĂM HỌC 2025 - 2026
Thời gian: 45 phút

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		% tổng điểm	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	T N	TL		
1	I.Q uy trình trồng trọt	1.1. Chuẩn bị đất trồng	1	0.75							1		0,75	2,5
		1.2. Gieo trồng	2	0.75	1	3					3		3,75	7,5
		1.3. Chăm sóc	1	0.75			1	3			1	1	0,75	25
		1.4. Thu hoạch sản phẩm trồng trọt	1	0.75							1		0.75	2.5
		1.5 Nhân giống cây trồng bằng	3	1.5	1	3					4		4,5	10

		giâm cành												
		1.6. Trồng và chăm sóc cây cải xanh	1	5								1	5	2,5
2	II. Tròn g, chăm sóc	2.1. Vai trò của rừng	2	3	3	3					5		6	12, 5
	và bảo vệ rừng	2.2. Các loại rừng phổ biến	1	1.5	3	3					4		4.5	10
		2.3. Trồng chăm sóc và bảo vệ rừng	2	2.25	2	3					4		5.2 5	10
		2.4. Bảo vệ rừng	2	0.75	2	3		10	1		2	1	13. 75	35
Tổng			16	12	12	18	1	10	1	5	22	2	45	
Tỉ lệ (%)			40%		30%		20%		10%					10 0
Tỉ lệ chung (%)			70%				30%							10 0

ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I
MÔN: CÔNG NGHỆ - LỚP: 7
NĂM HỌC 2025 - 2026
Thời gian: 45 phút

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	2	2	4	5	6	7	8
TRỒNG TRỌT							
1	I. Quy trình trồng trọt	1.1. Chuẩn bị đất trồng	Nhận biết: - Nêu được các bước chuẩn bị đất trồng. Thông hiểu: - Trình bày được yêu cầu kĩ thuật của việc làm đất. Vận dụng: - Trình bày được yêu cầu kĩ thuật của việc làm đất cho một đối tượng cây trồng cụ thể. - Vận dụng kiến thức làm đất với thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương.	1			
		1.2. Gieo trồng	Nhận biết: - Nêu được các phương thức gieo trồng phổ biến, các mùa vụ gieo trồng chính ở nước ta. Thông hiểu: - Trình bày được yêu cầu kĩ thuật của việc gieo trồng. Vận dụng: - Vận dụng kiến thức về gieo trồng vào thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương.	2	1		
		1.3. Chăm sóc	Nhận biết: - Kể tên được các công việc chính để chăm sóc cây trồng. Thông hiểu: - Trình bày được yêu cầu kĩ	1		1	

			thuật của việc chăm sóc cây trồng Vận dụng: - Vận dụng kiến thức về chăm sóc cây trồng vào thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương.				
		1.4. Thu hoạch	Nhận biết: - Kể tên được một số phương pháp chính trong thu hoạch. Cho ví dụ minh họa. - Trình bày được mục đích của việc bảo quản, chế biến sản phẩm trồng trọt. Thông hiểu: - Trình bày được yêu cầu kỹ thuật của một số biện pháp thu hoạch sản phẩm trồng trọt. Vận dụng cao: - Lựa chọn được biện pháp thu hoạch sản phẩm trồng trọt phù hợp với thực tiễn ở gia đình, địa phương.	1			
		1.5. Nhân giống cây trồng bằng giâm cành	Nhận biết: - Trình bày khái niệm giâm cành, kể tên được một số cây dễ giâm cành - Nêu được các bước trong quy trình giâm cành. Thông hiểu: - Trình bày được yêu cầu kỹ thuật của các bước trong quy trình giâm cành. Vận dụng: - Vận dụng kiến thức về giâm cành vào thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương.	3	1		
		1.6. Trồng và chăm sóc cây cải xanh	Vận dụng - Thực hiện được một số công việc trong quy trình trồng và chăm sóc một loại cây trồng phổ biến. Vận dụng cao - Tích cực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, có ý thức về an toàn lao động và bảo vệ môi	1			

			trường trong trồng trọt.				
2	II. Trồng chăm sóc và bảo vệ rừng	2.1. Vai trò của rừng	Nhận biết: - Trình bày được khái niệm về rừng, các vai trò chính của rừng. Thông hiểu: - Trình bày được vai trò của từng loại rừng.	2	3		
		2.2. Các loại rừng phổ biến	Nhận biết: - Nêu được các loại rừng phổ biến ở nước ta. Thông hiểu: - Phân biệt được các loại rừng phổ biến ở nước ta (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất).	1	3		
		2.3. Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng	Nhận biết: - Tóm tắt được quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu. - Tóm tắt được quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần. - Nêu được các công việc chăm sóc rừng. Thông hiểu: - Giải thích được ý nghĩa của các bước trong quy trình trồng rừng. - Giải thích được ý nghĩa của các bước trong quy trình chăm sóc rừng. Vận dụng: - Vận dụng kiến thức trồng, chăm sóc rừng vào thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương.	2	2		
		2.4. Bảo vệ rừng	Nhận biết: - Trình bày được một số biện pháp bảo vệ rừng. Thông hiểu: - Giải thích được ý nghĩa của việc bảo vệ rừng. Vận dụng: - Vận dụng kiến thức bảo vệ rừng vào thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương.	2	2		1

Tổ trưởng chuyên môn *Phú An, ngày tháng năm 2025*
Giáo viên soạn

Hồ Thị Hồng Vân

Đặng Thị Ngọc bảo

Lãnh đạo nhà trường

Họ tên thí sinh: Số báo danh:

Mã đề thi C.801

I. TRẮC NGHIỆM: Hãy chọn câu trả lời có phương án đúng nhất (7,0 điểm).

Câu 1: Phần tổng hợp trong trình tự đọc bản vẽ lắp gồm những nội dung nào?

- A. Các hình chiếu, hình cắt
- B. Trình tự tháo, lắp chi tiết và công dụng của sản phẩm
- C. Tên gọi các chi tiết, số lượng, vật liệu
- D. Tên sản phẩm, tỉ lệ bản vẽ, nơi thiết kế

Câu 2: Thành phần chủ yếu của kim loại đen gồm?

- A. Sắt, đồng
- B. Nhôm, sắt
- C. Đồng, nhôm
- D. Sắt, carbon

Câu 3: Nếu hình chiếu bằng là hình tròn nhưng hình chiếu đứng là hình chữ nhật, vật thể có thể là:

- A. hình vuông đặc
- B. hình trụ
- C. kim tự tháp
- D. khối đa diện

Câu 4: Thước cặp dùng để đo loại kích thước nào?

- A. Đo độ dày giấy
- B. Đo góc
- C. Đo đường kính ngoài, trong và chiều sâu của lỗ
- D. Đo đường thẳng

Câu 5: Hình hộp chữ nhật thuộc khối hình gì?

- A. Khối tròn xoay
- B. Hình cầu
- C. Khối đa diện
- D. Hình nón

Câu 6: Bước 3 của quy trình đọc bản vẽ chi tiết là:

- A. hình biểu diễn
- B. kích thước
- C. yêu cầu kỹ thuật
- D. khung tên

Câu 7: Biểu thị đường tâm là tên gọi của nét gì?

- A. Nét đậm
- B. Nét đứt
- C. Nét gạch chấm mảnh
- D. Nét liền mảnh

Câu 8: Đo kích thước bằng thước lá gồm mấy bước?

- A. 4 bước
- B. 2 bước
- C. 5 bước
- D. 3 bước

Câu 9: Dụng cụ nào sau đây được dùng để đo chiều dài?

- A. Ê ke vuông
- B. Dũa tròn
- C. Thước lá
- D. Compa

Câu 10: Bản vẽ nhà dùng để làm gì?

- A. Kiểm tra chi tiết máy
- B. Chế tạo chi tiết máy
- C. Thi công xây dựng ngôi nhà
- D. Chế tạo chi tiết máy, kiểm tra chi tiết máy

Câu 11: Sản phẩm nào sau đây làm từ kim loại đen?

- A. Vòng bi
- B. Nồi nhôm
- C. Đế giày
- D. Lõi dây điện

Câu 12: Vật liệu cơ khí chia thành mấy nhóm?

- A. 4 nhóm
- B. 5 nhóm
- C. 2 nhóm
- D. 3 nhóm

Câu 13: Kim loại đen dùng để làm gì?

- A. Nồi, chảo

- B. Dụng cụ gia đình, trong xây dựng
- C. Lõi dây dẫn điện, các bộ phận của xe ô tô
- D. Lõi dây dẫn điện

Câu 14: Hình nào sau đây thuộc khối đa diện:

- A. hình lăng trụ đều
- B. hình nón
- C. hình cầu
- D. hình trụ

Câu 15: Gang là gì?

- A. Là kim loại màu có tỷ lệ carbon trong vật liệu $> 2,14\%$
- B. Là kim loại màu có tỷ lệ carbon trong vật liệu $\leq 2,14\%$
- C. Là kim loại đen có tỷ lệ carbon trong vật liệu $\leq 2,14\%$
- D. Là kim loại đen có tỷ lệ carbon trong vật liệu $> 2,14\%$

Câu 16: Bản vẽ kỹ thuật bao gồm các loại nào?

- A. Bản vẽ lắp
- B. Bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp, bản vẽ nhà
- C. Bản vẽ chi tiết
- D. Bản vẽ nhà

Câu 17: Ê ke góc dùng để đo đại lượng nào?

- A. Đo góc
- B. Đường kính
- C. Góc vuông
- D. Bán kính

Câu 18: Số lượng, vật liệu của một chi tiết được đọc ở nội dung nào trong trình tự đọc của bản vẽ lắp?

- A. Khung tên
- B. Tổng hợp
- C. Phân tích chi tiết
- D. Bảng kê

Câu 19: Trên bản vẽ, hình chiếu bằng đặt ở vị trí:

- A. ở góc trái
- B. bên phải hình chiếu đứng
- C. trên hình chiếu đứng
- D. dưới hình chiếu đứng

Câu 20: Khổ giấy thông dụng nhất ở trường học là loại giấy nào?

- A. A1
- B. A0
- C. A2
- D. A4

Câu 21: Đặc điểm của kim loại đen là gì?

- A. Không bị oxi hóa, ít bị mài mòn
- B. Cứng, chắc, có từ tính và dễ bị gỉ sét
- C. Có độ bền cao, chịu được nhiệt độ cao
- D. Có tính chống ăn mòn, dễ gia công

Câu 22: Bản vẽ chi tiết không trình bày nội dung nào?

- A. Bảng kê
- B. Kích thước
- C. Yêu cầu kỹ thuật
- D. Hình biểu diễn

Câu 23: Vật liệu nào sau đây thường được sử dụng làm các bộ phận của xe ô tô, nồi, chảo?

- A. Gang
- B. Thép
- C. Sắt
- D. Đồng

Câu 24: Chất dẻo nhiệt được ứng dụng làm:

- A. tay cầm cho dụng cụ nấu ăn, ổ cắm điện, ...
- B. rổ, cốc, can, ghế, bình nước, ...
- C. lõi dây dẫn điện, nồi, chảo, ...
- D. ống dẫn, đai truyền, đế giày, ...

Câu 25: Đây là nội dung của bản vẽ lắp?

- A. Khung tên, các hình biểu diễn, kích thước

- B. Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật
C. Khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật
D. Khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, kích thước

Câu 26: Hình chiếu cạnh có hướng chiếu như thế nào?

- A. Từ trước tới B. Từ trái sang C. Từ dưới lên D. Từ trên xuống

Câu 27: Lõi dây điện có thể được làm từ vật liệu nào sau đây?

- A. Sắt B. Nhựa C. Đồng D. Cao su

Câu 28: Tỷ lệ bản vẽ bao gồm các loại nào?

- A. Tỷ lệ nguyên hình, tỷ lệ phóng to, tỷ lệ thu nhỏ B. Tỷ lệ nguyên hình
C. Tỷ lệ phóng to D. Tỷ lệ thu nhỏ

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Nêu công dụng của bản vẽ lắp và bản vẽ nhà.

Câu 2. (1 điểm) Có mấy loại chất dẻo? Kể tên cụ thể các loại chất dẻo.

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ tên thí sinh:Số báo danh:

Mã đề thi C.802

I. TRẮC NGHIỆM: Hãy chọn câu trả lời có phương án đúng nhất (7,0 điểm).

Câu 1: Phần tổng hợp trong trình tự đọc bản vẽ lắp gồm những nội dung nào?

- A. Các hình chiếu, hình cắt
- B. Tên sản phẩm, tỉ lệ bản vẽ, nơi thiết kế
- C. Trình tự tháo, lắp chi tiết và công dụng của sản phẩm
- D. Tên gọi các chi tiết, số lượng, vật liệu

Câu 2: Thành phần chủ yếu của kim loại đen gồm?

- A. Nhôm, sắt
- B. Sắt, carbon
- C. Sắt, đồng
- D. Đồng, nhôm

Câu 3: Đo kích thước bằng thước lá gồm mấy bước?

- A. 3 bước
- B. 2 bước
- C. 5 bước
- D. 4 bước

Câu 4: Bản vẽ chi tiết không trình bày nội dung nào?

- A. Bảng kê
- B. Kích thước
- C. Yêu cầu kỹ thuật
- D. Hình biểu diễn

Câu 5: Biểu thị đường tâm là tên gọi của nét gì?

- A. Nét đậm
- B. Nét gạch chấm mảnh
- C. Nét đứt
- D. Nét liền mảnh

Câu 6: Bản vẽ kỹ thuật bao gồm các loại nào?

- A. Bản vẽ nhà
- B. Bản vẽ lắp
- C. Bản vẽ chi tiết
- D. Bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp, bản vẽ nhà

Câu 7: Số lượng, vật liệu của một chi tiết được đọc ở nội dung nào trong trình tự đọc của bản vẽ lắp?

- A. Khung tên
- B. Phân tích chi tiết
- C. Bảng kê
- D. Tổng hợp

Câu 8: Chất dẻo nhiệt được ứng dụng làm:

- A. tay cầm cho dụng cụ nấu ăn, ổ cắm điện, ...
- B. lõi dây dẫn điện, nồi, chảo, ...
- C. rô, cốc, can, ghế, bình nước, ...
- D. ống dẫn, đai truyền, đế giày, ...

Câu 9: Ê ke góc dùng để đo đại lượng nào?

- A. Bán kính
- B. Đường kính
- C. Đo góc
- D. Góc vuông

Câu 10: Lõi dây điện có thể được làm từ vật liệu nào sau đây?

- A. Nhựa
- B. Sắt
- C. Cao su
- D. Đồng

Câu 11: Đặc điểm của kim loại đen là gì?

- A. Có tính chống ăn mòn, dễ gia công
- B. Có độ bền cao, chịu được nhiệt độ cao
- C. Không bị oxi hóa, ít bị mài mòn
- D. Cứng, chắc, có từ tính và dễ bị gỉ sét

Câu 12: Hình chiếu cạnh có hướng chiếu như thế nào?

- A. Từ dưới lên B. Từ trái sang C. Từ trên xuống D. Từ trước tới

Câu 13: Gang là gì?

- A. Là kim loại màu có tỷ lệ carbon trong vật liệu $\leq 2,14\%$
B. Là kim loại đen có tỷ lệ carbon trong vật liệu $> 2,14\%$
C. Là kim loại màu có tỷ lệ carbon trong vật liệu $> 2,14\%$
D. Là kim loại đen có tỷ lệ carbon trong vật liệu $\leq 2,14\%$

Câu 14: Khở giấy thông dụng nhất ở trường học là loại giấy nào?

- A. A1 B. A0 C. A4 D. A2

Câu 15: Kim loại đen dùng để làm gì?

- A. Lõi dây dẫn điện
B. Nồi, chảo
C. Lõi dây dẫn điện, các bộ phận của xe ô tô
D. Dụng cụ gia đình, trong xây dựng

Câu 16: Vật liệu cơ khí chia thành mấy nhóm?

- A. 4 nhóm B. 3 nhóm C. 2 nhóm D. 5 nhóm

Câu 17: Trên bản vẽ, hình chiếu bằng đặt ở vị trí:

- A. dưới hình chiếu đứng B. bên phải hình chiếu đứng
C. trên hình chiếu đứng D. ở góc trái

Câu 18: Bước 3 của quy trình đọc bản vẽ chi tiết là:

- A. yêu cầu kĩ thuật B. kích thước
C. hình biểu diễn D. khung tên

Câu 19: Tỷ lệ bản vẽ bao gồm các loại nào?

- A. Tỷ lệ nguyên hình, tỷ lệ phóng to, tỷ lệ thu nhỏ
B. Tỷ lệ nguyên hình
C. Tỷ lệ phóng to
D. Tỷ lệ thu nhỏ

Câu 20: Bản vẽ nhà dùng để làm gì?

- A. Kiểm tra chi tiết máy
B. Chế tạo chi tiết máy
C. Thi công xây dựng ngôi nhà
D. Chế tạo chi tiết máy, kiểm tra chi tiết máy

Câu 21: Dụng cụ nào sau đây được dùng để đo chiều dài?

- A. Compas B. Ê ke vuông C. Dũa tròn D. Thước lá

Câu 22: Nếu hình chiếu bằng là hình tròn nhưng hình chiếu đứng là hình chữ nhật, vật thể có thể là:

- A. khối đa diện B. kim tự tháp C. hình trụ D. hình vuông đặc

Câu 23: Hình nào sau đây thuộc khối đa diện:

- A. hình nón B. hình lăng trụ đều C. hình trụ D. hình cầu

Câu 24: Hình hộp chữ nhật thuộc khối hình gì?

- A. Khối tròn xoay B. Hình cầu C. Khối đa diện D. Hình nón

Câu 25: Đây là nội dung của bản vẽ lắp?

- A. Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật
B. Khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, kích thước
C. Khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật
D. Khung tên, các hình biểu diễn, kích thước

Câu 26: Thước cặp dùng để đo loại kích thước nào?

- A. Đo độ dày giấy
B. Đo đường kính ngoài, trong và chiều sâu của lỗ
C. Đo góc
D. Đo đường thẳng

Câu 27: Sản phẩm nào sau đây làm từ kim loại đen?

- A. Nồi nhôm B. Lõi dây điện C. Vòng bi D. Đế giày

Câu 28: Vật liệu nào sau đây thường được sử dụng làm các bộ phận của xe ô tô, nồi, chảo?

- A. Gang B. Sắt C. Thép D. Đồng

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Nêu công dụng của bản vẽ lắp và bản vẽ nhà.

Câu 2. (1 điểm) Có mấy loại chất dẻo? Kể tên cụ thể các loại chất dẻo.

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I
MÔN: CÔNG NGHỆ - LỚP: 8
NĂM HỌC 2025 - 2026
Thời gian: 45 phút

I. PHẠM VI KIẾN THỨC:

- Nội dung kiến thức: kiến thức học sinh đã học về vẽ kỹ thuật, cơ khí (vật liệu cơ khí và gia công cơ khí)
- Phương án kiểm tra: Kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận (70% TNKQ (Biết + Hiểu); 30% TL (VD)

II. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

TT	Chủ đề	Bài học	Mức độ nhận thức						Tổng			% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Số CH		Thời gian (Phút)	
			Số CH	Thời gian (Phút)	Số CH	Thời gian (Phút)	Số CH	Thời gian (Phút)	TN	TL		
1	Chủ đề 1: Vẽ kỹ thuật	1.1. Tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật	2	1,5	2	3			4		4,5	1
		1.2. Hình chiếu vuông góc	3	2,25	2	3,0			5		5,25	1,25
		1.3. Bản vẽ kỹ thuật	4	3	3	4,5	1	10	7	1	17,5	3,75
2	Chủ đề 2: Cơ khí	2.1. Vật liệu cơ khí	5	3,75	3	4,5	1	5	8	1	13,25	3

TT	Chủ đề	Bài học	Mức độ nhận thức						Tổng					% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Số CH				Thời gian (Phút)	
			Số CH	Thời gian (Phút)	Số CH	Thời gian (Phút)	Số CH	Thời gian (Phút)	TN		TL			
		2.2. Gia công cơ khí	2	1,5	2	3			4				4,5	1
Tổng			16	12	12	18	2	15	28	2			45	100
Tỉ lệ (%)			40		30		30							
Tỉ lệ chung (%)			70				30							100

ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I
MÔN: CÔNG NGHỆ - LỚP: 8
NĂM HỌC 2025 - 2026
Thời gian: 45 phút

III. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chủ đề 1: Vẽ kĩ thuật	1.1. Tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kĩ thuật	Nhận biết: - Nêu được một số loại tỉ lệ - Nêu được các loại đường nét dùng trong bản vẽ kĩ thuật. Thông hiểu:- Mô tả được tiêu chuẩn về khổ giấy. - Giải thích được tiêu chuẩn về tỉ lệ. - Mô tả được tiêu chuẩn về đường nét.	2	2	
		1.2. Hình chiếu vuông góc	Nhận biết:- Trình bày khái niệm hình chiếu. - Gọi được tên các hình chiếu vuông góc, hướng chiếu. - Nhận dạng được các khối đa diện. - Nhận biết được hình chiếu của một số khối đa diện khối tròn xoay thường gặp.	3	2	

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			- Trình bày được các bước vẽ hình chiếu vuông góc một số khối đa diện, tròn xoay thường gặp Thông hiểu: Phân biệt được các hình chiếu của khối đa diện, khối tròn xoay. - Sắp xếp đúng vị trí các hình chiếu vuông góc của một số khối đa diện, khối tròn xoay thường gặp trên bản vẽ kỹ thuật. - Giải tích được mối liên hệ về kích thước giữa các hình chiếu.			
		1.3. Bản vẽ kỹ thuật	Nhận biết: - Trình bày đc nội dung và công dụng của bản vẽ chi tiết. - Kể tên các bước đọc bản vẽ chi tiết đơn giản. - Trình bày được nội dung và công dụng của bản vẽ lắp - Kể tên các bước đọc bản vẽ lắp đơn giản. - Nhận biết được kí hiệu quy ước một số bộ phận của ngôi nhà. - Trình bày được các bước đọc bản vẽ nhà đơn giản. Thông hiểu:- Mô tả được trình tự các bước đọc bản vẽ lắp đơn giản. - Nêu được nội dung và công dụng của bản vẽ nhà. - Mô tả được trình tự các bước đọc bản vẽ chi tiết đơn giản. - Mô tả được trình tự các bước đọc bản vẽ nhà. Vận dụng: - Công dụng bản vẽ lắp và bản vẽ nhà	4	3	1TL Câu 1

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2	Chủ đề 2: Cơ Khí	2.1. <i>Vật liệu cơ khí</i>	Nhận biết: - Kể tên được một số vật liệu thông dụng. Thông hiểu: - Mô tả được cách nhận biết một số vật liệu thông dụng. Vận dụng- Nhận biết được một số vật liệu thông dụng.	5	3	1TL Câu 2
		2.2. . Gia công cơ khí	Nhận biết: - Kể tên dụng cụ đo Thông hiểu: . Công dụng của dụng cụ cơ khí	2	2	
Tổng				16	12	2

Tổ trưởng chuyên môn

Hồ Thị Hồng Vân

Phú An, ngày tháng năm 2025

Giáo viên soạn

Nguyễn Thị Thu Hồng

Lãnh đạo nhà trường

Họ tên thí sinh:Số báo danh:

Mã đề thi C9.101

I. TRẮC NGHIỆM: Hãy chọn câu trả lời có phương án đúng nhất (7,0 điểm).

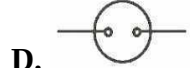
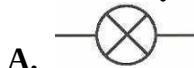
Câu 1: Công dụng của công tơ điện một pha là gì?

- A. Đo điện năng tiêu thụ của các đồ dùng điện trong gia đình.
- B. Đo cường độ dòng điện xoay chiều.
- C. Đo các thông số điện.
- D. Đo điện áp một chiều hoặc xoay chiều.

Câu 2: Để sử dụng điện an toàn, không nên:

- A. lắp đặt aptomat, cầu dao.
- B. cắm nhiều phích cắm của đồ dùng điện có công suất lớn vào cùng một ổ cắm.
- C. sử dụng dây dẫn và các thiết bị điện chất lượng.
- D. mang đồ bảo hộ khi sử dụng công cụ điện cầm tay.

Câu 3: Kí hiệu nào của công tắc 2 cực trên sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt?



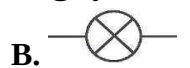
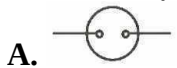
Câu 4: Muốn đo điện áp một chiều bằng đồng hồ vạn năng cần lựa chọn thang đo nào?

- A. Thang đo $A_{\sim}$.
- B. Thang đo Ω .
- C. Thang đo $V_{\sim}$.
- D. Thang đo $V_{\sim}$.

Câu 5: Thiết bị nào dưới đây có khả năng tự động cắt nguồn điện để bảo vệ mạng điện khi xảy ra sự cố như quá tải hoặc ngắn mạch?

- A. Công tắc điện.
- B. Cầu dao.
- C. Aptomat.
- D. Phích cắm điện.

Câu 6: Kí hiệu nào của ổ cắm điện trên sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt?



Câu 7: Đâu không phải thiết bị đóng cắt mạch điện trong gia đình?

- A. Ổ cắm điện.
- B. Công tắc điện.
- C. Aptomat.
- D. Cầu dao.

Câu 8: VOM không thể đo được đại lượng điện nào dưới đây?

- A. Điện áp xoay chiều.
- B. Điện trở.
- C. Điện năng.
- D. Cường độ dòng điện một chiều.

Câu 9: Ổ cắm điện gồm các bộ phận chính nào?

- A. Vỏ và các cực nối điện.
- B. Vỏ và các cực tiếp điện.
- C. Vỏ và các chốt tiếp điện.
- D. Vỏ và cần đóng cắt.

Câu 10: Bộ phận nào của cầu dao thực hiện chức năng đóng, cắt nguồn điện bằng tay?

- A. Vỏ aptomat.
- B. Các cực nối điện.
- C. Cần đóng cắt.
- D. Nút bật tắt.

Câu 11: Kí hiệu dưới đây là của loại dây nào?



- A. Dây trung tính.
- B. Dây tải.
- C. Dây pha.
- D. Dây dẫn.

Câu 12: Để cung cấp điện cho các đồ dùng điện, người ta dùng:

- A. phích cắm điện.
- B. ổ cắm điện và phích cắm điện.
- C. ổ cắm điện.
- D. phích cắm điện và cầu dao.

Câu 13: Muốn đo điện trở bằng đồng hồ vạn năng cần lựa chọn thang đo nào?

- A. Thang đo $A_{\sim}$.
- B. Thang đo $V_{\sim}$.
- C. Thang đo Ω .
- D. Thang đo $V_{\sim}$.

Câu 14: Trên vỏ aptomat có ghi thông số kĩ thuật 20A – 240V, trong đó 240V là gì?

- A. Dòng điện định mức.
- B. Điện áp định mức.
- C. Cường độ dòng điện nhỏ nhất.
- D. Điện trở.

Câu 15: Kí hiệu nào của công tắc 3 cực trên sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt?

- A.
- B.
- C.
- D.

Câu 16: Khi sử dụng VOM cần lựa chọn thang đo có giá trị như thế nào?

- A. Nhỏ hơn và gần nhất với giá trị cần đo.
- B. Lớn hơn và gần nhất với giá trị cần đo.
- C. Gần nhất với giá trị cần đo.
- D. Bằng giá trị cần đo.

Câu 17: Các cực nối điện ở công tắc điện thường được làm bằng vật liệu gì?

- A. Đồng.
- B. Sắt.
- C. Thủy ngân.
- D. Nhựa.

Câu 18: Đâu không phải bộ phận chính trong ampe kìm?

- A. Que đo.
- B. Lấy mở hàm kẹp.
- C. Cực nối điện.
- D. Hàm kẹp.

Câu 19: Bộ phận nào của aptomat thực hiện chức năng đóng, cắt nguồn điện bằng tay?

- A. Các cực nối điện.
- B. Vỏ aptomat.
- C. Cần đóng cắt.
- D. Nút bật tắt.

Câu 20: Thiết bị nào được thiết kế để đóng, cắt mạch điện bằng tay?

- A. Ampe kìm.
- B. Cầu dao.
- C. Công tắc điện.
- D. Công tơ điện.

Câu 21: Vỏ của công tắc điện thường làm bằng:

- A. gang, thép.
- B. đồng, kẽm.
- C. thủy tinh.
- D. nhựa, sứ.

Câu 22: Bộ phận nào sau đây không có ở ampe kìm?

- A. Màn hình hiển thị.
- B. Các cực nối điện.
- C. Que đo.
- D. Hàm kẹp.

Câu 23: Các bộ chính của công tơ điện một pha không bao gồm bộ phận nào?

- A. Thang đo.
- B. Vỏ.
- C. Màn hình hiển thị.
- D. Các cực nối điện.

Câu 24: Bộ phận nào của phích cắm điện có chức năng lấy điện ra từ ổ cắm điện cho đồ dùng điện?

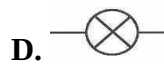
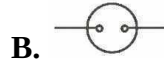
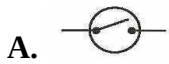
- A. Vỏ ổ cắm điện.
- B. Các cực tiếp điện.
- C. Các cực nối điện.
- D. Các chốt tiếp điện.

Câu 25: Kí hiệu dưới đây là của loại dây nào ?



- A. Dây tải.
- B. Dây pha.
- C. Dây dẫn.
- D. Dây trung tính.

Câu 26: Kí hiệu nào của bóng đèn trên sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt?



Câu 27: Quan sát hình sau và cho biết đây là dụng cụ đo điện nào?



- A. Vôn kế.
- B. Công tơ điện.
- C. Đồng hồ vạn năng.
- D. Ampe kìm.

Câu 28: Quan sát hình sau và cho biết vị trí thứ 2 trong hình là bộ phận nào của tơ điện?



- A. Vỏ công tơ điện.
- B. Các cực nối điện.
- C. Giắc cắm que đo.
- D. Màn hình hiển thị.

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Nêu chức năng và cấu tạo của công tắc điện, ổ điện.

Câu 2. (1 điểm) Đồng hồ vạn năng (VOM) được sử dụng để làm gì?

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ tên thí sinh:Số báo danh:

Mã đề thi C9.102

I. TRẮC NGHIỆM: Hãy chọn câu trả lời có phương án đúng nhất (7,0 điểm).

Câu 1: Kí hiệu dưới đây là của loại dây nào ?



A. Dây tải.

B. Dây trung tính.

C. Dây dẫn.

D. Dây pha.

Câu 2: Muốn đo điện trở bằng đồng hồ vạn năng cần lựa chọn thang đo nào?

A. Thang đo $V_{\sim}$.

B. Thang đo $V_{\sim}$.

C. Thang đo Ω .

D. Thang đo $A_{\sim}$.

Câu 3: Đầu không phải bộ phận chính trong ampe kìm?

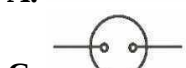
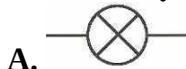
A. Cực nối điện.

B. Que đo.

C. Lẫy mở hàm kẹp.

D. Hàm kẹp.

Câu 4: Kí hiệu nào của công tắc 3 cực trên sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt?



Câu 5: Các cực nối điện ở công tắc điện thường được làm bằng vật liệu gì?

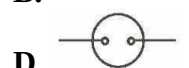
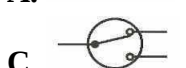
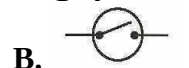
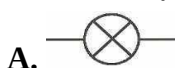
A. Đồng.

B. Thủy ngân.

C. Nhựa.

D. Sắt.

Câu 6: Kí hiệu nào của ổ cắm điện trên sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt?



Câu 7: Để sử dụng điện an toàn, không nên:

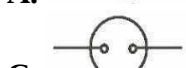
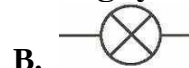
A. lắp đặt aptomat, cầu dao.

B. mang đồ bảo hộ khi sử dụng công cụ điện cầm tay.

C. cắm nhiều phích cắm của đồ dùng điện có công suất lớn vào cùng một ổ cắm.

D. sử dụng dây dẫn và các thiết bị điện chất lượng.

Câu 8: Kí hiệu nào của công tắc 2 cực trên sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt?



Câu 9: Đầu không phải thiết bị đóng cắt mạch điện trong gia đình?

A. Công tắc điện.

B. Cầu dao.

C. Ổ cắm điện.

D. Aptomat.

Câu 10: Bộ phận nào sau đây không có ở ampe kìm?

A. Màn hình hiển thị.

B. Các cực nối điện.

C. Hàm kẹp.

D. Que đo.

Câu 11: Thiết bị nào dưới đây có khả năng tự động cắt nguồn điện để bảo vệ mạng điện khi xảy ra sự cố như quá tải hoặc ngắn mạch?

A. Cầu dao.

B. Aptomat.

C. Phích cắm điện.

D. Công tắc điện.

Câu 12: Bộ phận nào của aptomat thực hiện chức năng đóng, cắt nguồn điện bằng tay?

A. Các cực nối điện.

B. Cần đóng cắt

C. Nút bật tắt.

D. Vỏ aptomat.

Câu 13: Công dụng của công tơ điện một pha là gì?

A. Đo các thông số điện.

B. Đo cường độ dòng điện xoay chiều.

C. Đo điện năng tiêu thụ của các đồ dùng điện trong gia đình.

D. Đo điện áp một chiều hoặc xoay chiều.

Câu 14: Trên vỏ aptomat có ghi thông số kĩ thuật 20A – 240V, trong đó 240V là gì?

A. Cường độ dòng điện nhỏ nhất.

B. Điện áp định mức.

C. Điện trở.

D. Dòng điện định mức.

Câu 15: Các bộ chính của công tơ điện một pha không bao gồm bộ phận nào?

A. Thang đo.

B. Các cực nối điện.

C. Màn hình hiển thị.

D. Vỏ.

Câu 16: Quan sát hình sau và cho biết đây là dụng cụ đo điện nào?



A. Vôn kế.

B. Công tơ điện.

C. Đồng hồ vạn năng.

D. Ampe kìm.

Câu 17: Thiết bị nào được thiết kế để đóng, cắt mạch điện bằng tay?

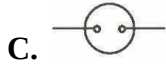
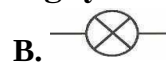
A. Công tơ điện.

B. Ampe kìm.

C. Công tắc điện.

D. Cầu dao

Câu 18: Kí hiệu nào của bóng đèn trên sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt?



Câu 19: Vỏ của công tắc điện thường làm bằng:

A. thủy tinh.

B. nhựa, sứ.

C. đồng, kẽm.

D. gang, thiếc.

Câu 20: Bộ phận nào của phích cắm điện có chức năng lấy điện ra từ ổ cắm điện cho đồ dùng điện?

A. Vỏ ổ cắm điện.

B. Các chốt tiếp điện.

C. Các cực nối điện.

D. Các cực tiếp điện.

Câu 21: Bộ phận nào của cầu dao thực hiện chức năng đóng, cắt nguồn điện bằng tay?

A. Các cực nối điện.

B. Nút bật tắt.

C. Vỏ aptomat.

D. Cần đóng cắt.

Câu 22: Để cung cấp điện cho các đồ dùng điện, người ta dùng:

- A. phích cắm điện.
- B. ổ cắm điện và phích cắm điện.
- C. phích cắm điện và cầu dao.
- D. ổ cắm điện.

Câu 23: Kí hiệu dưới đây là của loại dây nào?



- A. Dây dẫn.
- B. Dây pha.
- C. Dây trung tính.
- D. Dây tải.

Câu 24: VOM không thể đo được đại lượng điện nào dưới đây?

- A. Điện năng.
- B. Điện áp xoay chiều.
- C. Điện trở.
- D. Cường độ dòng điện một chiều.

Câu 25: Ổ cắm điện gồm các bộ phận chính nào?

- A. Vỏ và các chốt tiếp điện.
- B. Vỏ và các cực nối điện.
- C. Vỏ và cần đóng cắt.
- D. Vỏ và các cực tiếp điện.

Câu 26: Muốn đo điện áp một chiều bằng đồng hồ vạn năng cần lựa chọn thang đo nào?

- A. Thang đo Ω .
- B. Thang đo $V_{\sim}$.
- C. Thang đo $A_{\sim}$.
- D. Thang đo $V_{\rightleftharpoons}$.

Câu 27: Khi sử dụng VOM cần lựa chọn thang đo có giá trị như thế nào?

- A. Bằng giá trị cần đo.
- B. Nhỏ hơn và gần nhất với giá trị cần đo.
- C. Gần nhất với giá trị cần đo.
- D. Lớn hơn và gần nhất với giá trị cần đo.

Câu 28: Quan sát hình sau và cho biết vị trí thứ 2 trong hình là bộ phận nào của tơ điện?



- A. Các cực nối điện.
- B. Màn hình hiển thị.
- C. Vỏ công tơ điện.
- D. Giắc cắm que đo.

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Nêu chức năng và cấu tạo của công tắc điện, ổ điện.

Câu 2. (1 điểm) Đồng hồ vạn năng (VOM) được sử dụng để làm gì?

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I
MÔN: CÔNG NGHỆ - LỚP: 9
NĂM HỌC 2025 - 2026
Thời gian: 45 phút

I. Khung ma trận

- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận).
- **Cấu trúc:**
 - Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng
 - Phần trắc nghiệm: 7,0 điểm, (gồm 28 câu hỏi: Nhận biết: 16 câu, mỗi câu 0,25 điểm; Thông hiểu: 12 câu, mỗi câu 0,25 điểm)
 - Phần tự luận: 3,0 điểm (Vận dụng: 3,0 điểm)

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức						Tổng Số CH		Tổng % số điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				
			Số C H TN	Số C H TL	Số C H TN	Số C H TL	Số C H TN	Số C H TL	TN	TL	
1	Lắp đặt mạng điện trong nhà	1. Thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình	8		9			1	17		4,25 điểm
		2. Dụng cụ đo điện cơ bản	2		3			1	5	1	4,25 điểm
		3. Thiết kế mạng điện trong nhà	6						6	1	1,5 điểm
Tổng			16		12			2	28	2	10đ
Tỉ lệ (%)			40		30			30			100%
Tỉ lệ chung (%)			70					30			100%

ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I
MÔN: CÔNG NGHỆ - LỚP: 9
NĂM HỌC 2025 - 2026
Thời gian: 45 phút

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ đánh giá		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Lắp đặt mạng điện trong nhà.	1. Thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình	Nhận biết: - Nhận biết được công dụng, chức năng và thông số kỹ thuật của một số thiết bị đóng cắt, lấy điện trong gia đình.	8		
			Thông hiểu: Mô tả được cấu tạo, thông số kỹ thuật, thao tác sử dụng đúng cách, an toàn của thiết bị đóng cắt, lấy điện trong gia đình.		9	
			Vận dụng: Nêu chức năng, cấu tạo, thông số kỹ thuật, thao tác sử dụng đúng cách, an toàn của thiết bị đóng cắt, lấy điện trong gia đình.			1
		2. Dụng cụ đo điện cơ bản	Nhận biết: - Nhận biết được cấu tạo, chức năng của một số dụng cụ điện cơ bản.	2		
			Thông hiểu: - Kể tên được một số dụng cụ đo điện cơ bản		3	
			Vận dụng: - Nêu được chức năng của một số dụng cụ điện cơ bản.			1

		3. Thiết kế mạng điện trong nhà	Nhận biết: - Nhận biết được một số kí hiệu của kí hiệu của các thiết bị điện trong sơ đồ điện, thiết bị điện, kí hiệu dây cáp nguồn, dây trung tính trong sơ đồ.	6		
				16	12	2

Tổ trưởng chuyên môn

Phú An, ngày tháng năm 2025

Giáo viên soạn

Hồ Thị Hồng Vân

Lê Kim Hương

Lãnh đạo nhà trường

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. Trắc nghiệm (7,0 điểm) Mỗi câu trắc nghiệm đúng 0,25 điểm

Câu\Mã đề	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
C6.101	B	D	D	C	A	B	C	A	D	B	A	D	B	B
C6.102	D	A	C	B	C	C	D	B	A	C	C	D	C	B

Câu\Mã đề	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
C6.101	C	D	C	D	A	B	C	A	A	A	C	D	B	A
C6.102	B	C	A	C	D	B	C	A	C	B	C	A	A	C

II. Tự luận (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1. (2,0 điểm)	Em hãy cho biết thế nào là phương pháp bảo quản thực phẩm? Thực phẩm có thể bảo quản bằng nhiều phương pháp: ướp muối, phơi khô, hút chân không, ướp lạnh....(mỗi phương pháp đúng đạt 0,25 điểm) Tùy từng loại thực phẩm và điều kiện bảo quản,(0,5) người sử dụng có thể lựa chọn phương pháp bảo quản thích hợp.(0,5)	2 điểm
Câu 2. (1,0 điểm)	Để làm được món canh sườn nấu củ, em cần chuẩn bị những loại nguyên liệu nào? + Thịt sườn, củ su, cà rốt, khoai lang tây...(mỗi ý đúng đạt 0,25 điểm) + Các loại gia vị: muối, tiêu, đường, bột ngọt (đạt nêm)...(mỗi ý đúng đạt 0,25 điểm)	1 điểm

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. Trắc nghiệm (7 điểm) Mỗi câu trắc nghiệm đúng 0,25 điểm

Câu\Mã đề	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
C.701	C	A	D	C	D	D	C	A	B	B	C	C	A	D
C.702	A	D	C	A	B	B	A	C	D	B	C	D	D	C

Câu\Mã đề	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
C.701	C	A	C	C	B	B	B	C	B	D	D	B	D	C
C.702	B	B	B	D	A	A	C	D	C	D	B	A	B	A

II. Tự luận (3 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1. 2,0 điểm	- Chăm sóc cây nhằm nuôi dưỡng, bảo vệ,	0,25
	phòng trừ các yếu tố gây hại cho cây,	0,25
	cụ thể: tưới nước, bón phân, vun, xới,	0,25
	diệt cỏ dại, phòng trừ sâu bệnh.	0,25
	- Việc tiêu nước, tưới nước được thực hiện trong suốt thời	0,25
	gian chăm sóc cây trồng,	
Câu 2 1,0 điểm	bón phân đầy đủ,	0,25
	phù hợp từng loại đất	0,25
	và từng giai đoạn phát triển của cây.	0,25
	Rừng có vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường, phục	0,25
	vụ đời sống,	0,25
	sản xuất	0,25
	và nghiên cứu khoa học.	0,25

Hết

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. Trắc nghiệm (7,0 điểm) Mỗi câu trắc nghiệm đúng 0,25 điểm

Câu\Mã đề	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
C.801	B	D	B	C	C	B	C	B	C	C	A	C	B	A
C.802	C	B	B	A	B	D	C	C	C	D	D	B	B	C

Câu\Mã đề	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
C.801	D	B	A	D	D	D	B	A	D	B	D	B	C	A
C.802	D	C	A	B	A	C	D	C	B	C	B	B	C	D

II. Tự luận (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1. (2,0 điểm)	Nêu công dụng của bản vẽ lắp và bản vẽ nhà. - Bản vẽ lắp dùng: + để lắp đặt, vận hành + và kiểm tra sản phẩm - Bản vẽ nhà dùng: + để thi công + xây dựng ngôi nhà	0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm
Câu 2. (1,0 điểm)	Có mấy loại chất dẻo? Kể tên cụ thể các loại chất dẻo. - Có 2 loại chất dẻo - Cụ thể: + chất dẻo nhiệt + chất dẻo nhiệt rắn	0,5 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm

Hết

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. Trắc nghiệm (7,0 điểm)

- Mỗi câu trắc nghiệm đúng 0,25 điểm

Câu\Mã đề	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
C9.101	A	B	C	D	C	A	A	C	B	C	A	B	C	B
C9.102	D	C	A	B	A	D	C	D	C	B	B	B	C	B

Câu\Mã đề	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
C9.101	B	B	A	C	C	B	D	B	A	D	B	D	C	D
C9.102	A	C	D	B	B	B	D	B	C	A	D	D	D	B

II. Tự luận (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1. (2,0 điểm)	Nêu chức năng và cấu tạo của công tắc điện, ổ điện. * Công tắc điện: - Chức năng: + công tắc điện có chức năng đóng, cắt bằng tay dòng điện qua bóng đèn, + để điều khiển bóng đèn sáng, tắt. - Cấu tạo gồm: + Nút bật tắt. + Vỏ công tắc. + Các cực nối điện * Ổ điện: - Chức năng: ổ điện là thiết bị lấy điện để cung cấp cho các đồ dùng điện trong sinh hoạt. - Cấu tạo gồm: + Vỏ ổ cắm điện. + Các cực tiếp điện.	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 2. (1,0 điểm)	Đồng hồ vạn năng (VOM) được sử dụng để làm gì? - Đồng hồ vạn năng (VOM) được sử dụng để đo các thông số điện như: + điện áp một chiều, + điện áp xoay chiều, + cường độ dòng điện một chiều, + điện trở,...	0,25 0,25 0,25 0,25

Hết